TAND HUYỆN YÊN ĐỊNH **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22-10-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Nguyệt

2. Bà Trần Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án, TAND huyện Yên Định, Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND huyện Yên Định tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Tân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/QĐXX- ST ngày 16 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị LTO - Sinh năm: 1986

ĐKHKTT: Thôn H, xã Đ, Tp Thanh Hóa, Thanh Hóa.

Địa chỉ: S, xã N, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh HQN - Sinh năm: 1983

Địa chỉ: S, xã N, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị LTO và anh HQN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/6/2020, bản tự khai ngày 26/6/2020, Biên bản hòa giải ngày 13/7/2020, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị LTO trình bày: chị và anh HQN đăng ký kết hôn ngày 17/01/2005, tại UBND xã Đ, huyện Đông Sơn (*Nay là Tp. Thanh Hóa*), tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh HQN không tu chí làm ăn, chơi bời dẫn đến nghiện ngập không cai được; còn dọa đánh chị, vợ chồng không có tiếng nói chung. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh HQN.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung, cháu HVĐ, sinh ngày 01/5/2005 và cháu HDĐ, sinh ngày 12/01/2009. Hiện nay cháu HVĐ đã bỏ học và đi vào Miền Nam học nghề sửa xe ô tô cùng người quen, đã tự nuôi sống được bản thân, còn cháu HDĐ đang ở với ông nội đã già yếu tại xã N, chị LTO hàng tháng vẫn chu cấp tiền ăn và sinh hoạt phí cho ông để nuôi dưỡng cháu HDĐ. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc cả 02 cháu và không yêu cầu anh HQN phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị LTO xác định về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26/6/2020 và Biên bản hòa giải ngày 13/7/2020 bị đơn là anh HQN trình bày: Anh và chị LTO kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 17/01/2005, tại UBND xã Đ, huyện Đông Sơn (*Nay là Tp. Thanh Hóa*), tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 5 năm rồi bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên xảy ra xung đột, cãi vã. Quá trình chung sống vợ chồng cố gắng tự giải quyết nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2020 đến nay, mỗi người mỗi nơi không quan tâm gì đến nhau. Nay chị LTO làm đơn xin ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cũng đồng ý ly hôn chị LTO.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu HVĐ, sinh ngày 01/5/2005 và cháu HDĐ, sinh ngày 12/01/2009. Hiện nay các cháu vẫn do ông nội trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cả 02 cháu và không yêu cầu chị LTO cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh HQN xác định vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh HQN không thể hiện rõ quan điểm về vấn đề hôn nhân, đối với vấn đề con chung và tài sản chung anh HQN giữ nguyên như quá trình khai báo tại Tòa án và không có ý kiến đề xuất gì.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, HĐXX đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thực hiện cơ bản đúng các quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Về hôn nhân: Đề nghị xử cho chị LTO được ly hôn anh HQN.

Về con chung: Đề nghị giao cháu HVĐ, sinh ngày 01/5/2005 cho chị LTO trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu HDĐ, sinh ngày 12/01/2009 cho anh HQN trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Chị LTO phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh HQN là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện Yên Định, nên việc chị LTO yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Định giải quyết ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp; mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị LTO và anh HQN kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2020 không quan tâm gì đến nhau. Quá trình hòa giải các bên đều thống nhất thuận tình ly hôn, nhưng tại phiên tòa anh HQN không thể hiện rõ quan điểm về hôn nhân có đồng ý ly hôn hay không, còn chị LTO vẫn tha thiết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị LTO và anh HQN đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị LTO được ly hôn anh HQN.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị LTO và anh HQN có 02 con chung là cháu cháu HVĐ, sinh ngày 01/5/2005 và cháu HDĐ, sinh ngày 12/01/2009. Hội đồng xét xử xét thấy: Qua xác minh tại địa phương thì anh HQN đi làm ăn xa, con cái chủ yếu cho ông bà nội (bố mẹ của anh HQN) trực tiếp nuôi dưỡng, anh HQN đi làm không có thu nhập để lo cho cuộc sống của gia đình, con cái. Bản thân anh HQN thuộc đối tượng nghiện. Nên không thể giao con chung cho anh HQN trực tiếp nuôi dưỡng như đề nghị của đại diện VKS tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị LTO, giao cả 02 cháu cho chị LTO trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Xét thấy việc chị LTO không yêu cầu anh HQN phải cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, bản thân chị LTO có đủ khả năng nuôi con, nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh HQN.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị LTO phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị LTO được ly hôn anh HQN.

2. Về con chung: Giao cháu HVĐ, sinh ngày 01/5/2005 và cháu HDĐ, sinh ngày 12/01/2009 cho chị LTO được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh HQN.

Anh HQN có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cấm.

Vì lợi ích của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị LTO phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2015/0003709 ngày 26/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị LTO và anh HQN được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS Yên Định;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ, Tp Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Hoàng